

Bản án số: 39/2020/HS-ST

Ngày: 01 - 9 - 2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Phương**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Bùi Ngọc Quang**.

2. Ông **Vương Đình Hoàng**.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Lục - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Duy Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, TAND huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 39/2020/TLST-HS, ngày 21 tháng 8 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HS, ngày 21/8/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tòng Văn T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1994, nơi sinh tại huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản MH, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông: Tòng Văn K, sinh năm 1972 và con bà Tòng Thị H, sinh năm 1972; bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền sự; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**\* Bị hại:** Ban quản lý dự án các công trình huyện M, tỉnh Điện Biên

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung C – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn H, sinh năm 1980

Chức vụ, nơi công tác: Cán bộ kỹ thuật, Ban quản lý dự án các công trình huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt có lý do)

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Họ và tên: Lò Thị H, sinh năm 1985.

Cư trú tại: Bản P, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

2. Họ và tên: Tòng Văn U, sinh năm 1964.

Cư trú tại: Bản L, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bị cáo Tòng Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Để có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 20/4/2019 đến ngày 28/4/2019, Tòng Văn T đã có 05 lần dùng búa có cán bằng gỗ dài khoảng 40cm, đầu búa bằng sắt có kích thước 9,5cm x 3cm x 3,3cm và 01 đoạn gậy gỗ dài khoảng 1,3m đến 1,5m, đường kính 05cm, đi đến khu vực kênh nước thủy lợi thuộc bản PL, xã X, huyện M, đi dọc theo kênh dùng gậy và búa đập được 33 tấm đan bê tông liền kề, là nắp kênh thủy lợi có kích thước mỗi tấm 50cm x 95cm x 7cm để lấy sắt mang bán (Kênh thủy lợi do ban quản lý dự án huyện M là đại diện chủ đầu tư đang quản lý). Cụ thể: Ngày 20/4/2019 T đập được 05 tấm; ngày 21/4/2019 đập được 06 tấm; ngày 23/4/2019 đập được 07 tấm; ngày 25/4/2019 đập được 07 tấm; ngày 28/4/2019 đập được 08 tấm. Mỗi tấm có giá trị là 183.000đ; tổng giá trị 33 tấm đan bê tông T đập là  $183.000đ \times 33 = 6.039.000đ$ . Sau các lần đập tấm đan bê tông lấy được sắt, T đều mang đi bán cho Lò Thị H, sinh năm 1985, trú tại bản P, xã X, huyện M là người thu mua sắt vụn được  $88,6 \text{ kg} \times 5.000đ/\text{kg} = 443.000đ$ .

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 12/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã kết luận: 33 tấm bê tông mỗi tấm có kích thước 95cm x 50cm x 07cm thuộc công trình thủy lợi tại bản PL, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên là vật chứng trong vụ án trộm cắp tài sản tại thời điểm định giá tháng 4/2019 tổng giá trị thành tiền VNĐ là 6.039.000đ (*sáu triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

Ngày 25/3/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện M quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Tòng Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại cáo trạng số: 40/CT-VKS-MA ngày 14/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng để xét xử bị cáo Tòng Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Tòng Văn T về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Tòng Văn T từ 09 đến 12 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

\* **Vật chứng của vụ án:** Áp dụng khoản 1, điểm b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Trả lại cho Ban quản lý dự án các công trình huyện M, tỉnh Điện Biên 05 bó sắt có khối lượng là 88,6 kg là vật chứng của vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đầu búa kích thước 9,5cm x 3cm x 3,3cm là vật chứng của vụ án, vật không còn giá trị (*chủ sở hữu là ông Tòng Văn U, trú tại Bản L, xã X, huyện M không yêu cầu nhận lại*)

- Chấp nhận việc trao trả tài sản của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Ảng cho chị Lò Thị H, sinh năm 1985, cư trú tại bản P, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên: 01 thanh sắt phi 14 dài 79 cm, 01 thanh sắt phi 12 dài 92 cm, 01 thanh sắt phi

12 dài 71 cm, 10 thanh sắt phi 10 dài 88cm, 05 thanh sắt phi 10 dài 47cm, 03 thanh sắt phi 8 dài 70cm, 49 thanh sắt phi 6 dài 54 cm, có khối lượng 15,3kg (Quyết định xử lý vật chứng số 19/QĐ, ngày 24/7/2020).

- Truy thu của bị cáo số tiền 443.000đ (*bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng*) đây là số tiền bị cáo bán sắt vụn cho chị Lò Thị H, sinh năm 1985, cư trú tại bản P, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên, chị H không yêu cầu bị cáo trả lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

\* **Trách nhiệm dân sự:** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ban quản lý dự án các công trình huyện M, tỉnh Điện Biên. Buộc bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản do bị cáo gây thiệt hại là 6.039.000đ (*sáu triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông U, chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

\* **Án phí:** Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của VKSND huyện Mường Ảng, bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### [1] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo Tòng Văn T đã khai và công nhận: Để có tiền tiêu sài cá nhân và mua ma túy sử dụng, từ ngày 20/4/2019 đến ngày 28/4/2019, Tòng Văn T đã 05 lần liên tục lên khu vực kênh nước thủy lợi thuộc bản PL, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên do Ban quản lý dự án huyện M đang quản lý, dùng gậy, búa đập 33 tấm đan bê tông là nắp kênh thủy lợi để lấy sắt mang đi bán cho chị Lò Thị H, sinh năm 1985, cư trú tại bản P, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên có trị giá là 6.039.000đ (*sáu triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 40/CT-VKS-MA ngày 14/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút trộm cắp 33 tấm đan bê tông có trị giá 6.039.000đ (*sáu triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng*) là nắp kênh thủy lợi thuộc bản PL, xã X, huyện M mà Ban quản lý dự án huyện M đang quản lý để lấy sắt mang đi bán. Mục đích lấy trộm để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác

được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015. Tại Điều 173 của BLHS quy định: "1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*".

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo Tòng Văn T về tội "trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Tòng Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi mà bị cáo gây ra.

[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, gây nguy hại không lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù, được quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

Hành vi phạm tội bị cáo gây ra đã làm hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm cho bà con nhân dân trong vùng không yên tâm làm ăn, sinh sống, gây mất trật tự trị an và an toàn trên địa bàn dân cư. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là cần thiết, để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung, tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu nói riêng trên địa bàn.

Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng truy tố bị cáo Tòng Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo T từ nhỏ sống cùng với gia đình, học hết lớp 9/12 thì nghỉ học, đến tuổi trưởng thành đi lao động sản xuất cùng gia đình; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo là một thanh niên, có nhận thức pháp luật nhưng thiếu ý thức chấp hành pháp luật, không rèn luyện tu dưỡng đạo đức, lười lao động lại muốn có tiền một cách nhanh chóng mà không phải bỏ công sức lao động nên đã cố tình đi vào con đường phạm tội trộm cắp tài sản, hơn nữa bị cáo là người nghiện sử dụng ma túy, thường xuyên vắng mặt tại địa phương, do vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ngày 30/5/2020 bị cáo đến Công an phường Sài Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội đầu thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Nên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự qui định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Tòng Văn T với nghề nghiệp làm ruộng, không có thu nhập nào khác, gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng.

[4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Lò Thị H đã mua số sắt vụn của bị cáo T nhưng không biết việc bị cáo trộm cắp mà có. Vì vậy, không đề cập vấn đề xử lý.

- Ông Tòng Văn U không biết bị cáo mượn búa sử dụng vào mục đích trộm cắp tài sản. Vì vậy, không đề cập vấn đề xử lý.

[5] Vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1, điểm b,c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015:

- Trả lại cho Ban quản lý dự án các công trình huyện M, tỉnh Điện Biên 05 bó sắt có khối lượng là 88,6 kg là vật chứng của vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đầu búa kích thước 9,5cm x 3cm x 3,3cm là vật chứng của vụ án, vật không còn giá trị (*chủ sở hữu là ông Tong Văn Ún, trú tại Bản L, xã X, huyện M không yêu cầu nhận lại*)

- Chấp nhận việc trao trả tài sản của Cơ quan điều tra Công an huyện M cho chị Lò Thị H, sinh năm 1985, cư trú tại bản P, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên: 01 thanh sắt phi 14 dài 79 cm, 01 thanh sắt phi 12 dài 92 cm, 01 thanh sắt phi 12 dài 71 cm, 10 thanh sắt phi 10 dài 88cm, 05 thanh sắt phi 10 dài 47cm, 03 thanh sắt phi 8 dài 70cm, 49 thanh sắt phi 6 dài 54 cm, có khối lượng 15,3kg (Quyết định xử lý vật chứng số 19/QĐ, ngày 24/7/2020).

- Truy thu của bị cáo số tiền 443.000đ (*bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng*) đây là số tiền bị cáo bán sắt vụn cho chị Lò Thị H, sinh năm 1985, cư trú tại bản P, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên, chị H không yêu cầu bị cáo trả lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Trách nhiệm dân sự:

- Ban quản lý dự án các công trình huyện M, tỉnh Điện Biên yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.039.000đ (*sáu triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng*). Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ban quản lý dự án các công trình huyện M, tỉnh Điện Biên. Buộc bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản do bị cáo gây thiệt hại là 6.039.000đ (*sáu triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông U, chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

[7] Án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm d khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo.

[8] Quyết định truy tố của VKSND huyện M; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của bị cáo qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[9] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

**Vì các lẽ trên:**

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Tòng Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Tòng Văn T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 30/5/2020).

**2. Trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 của BLHS; Các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS: Buộc bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản do bị cáo gây thiệt hại cho Ban quản lý dự án các công trình huyện M, tỉnh Điện Biên là 6.039.000đ (*sáu triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

*Kể từ ngày Ban quản lý dự án các công trình huyện M, tỉnh Điện Biên có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo T chậm thi hành án thì bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.*

**3. Vật chứng của vụ án:** Áp dụng khoản 1, điểm b,c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015:

- Trả lại cho Ban quản lý dự án các công trình huyện M, tỉnh Điện Biên 05 bó sắt có khối lượng là 88,6 kg là vật chứng của vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đầu búa kích thước 9,5cm x 3cm x 3,3cm là vật chứng của vụ án, vật không còn giá trị (*chủ sở hữu là ông Tòng Văn U, trú tại bản L, xã X, huyện M không yêu cầu nhận lại*).

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa CQCSĐT Công an huyện M và Chi cục thi hành án dân sự huyện M ngày 14/8/2020).*

- Chấp nhận việc trao trả tài sản của Cơ quan điều tra Công an huyện M cho chị Lò Thị H, sinh năm 1985, cư trú tại bản P, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên: 01 thanh sắt phi 14 dài 79 cm, 01 thanh sắt phi 12 dài 92 cm, 01 thanh sắt phi 12 dài 71 cm, 10 thanh sắt phi 10 dài 88cm, 05 thanh sắt phi 10 dài 47cm, 03 thanh sắt phi 8 dài 70cm, 49 thanh sắt phi 6 dài 54 cm, có khối lượng 15,3kg (Quyết định xử lý vật chứng số 19/QĐ, ngày 24/7/2020).

- Truy thu của bị cáo số tiền 443.000đ (*bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng*) đây là số tiền bị cáo bán sắt vụn cho chị Lò Thị H, sinh năm 1985, cư trú tại bản P, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên, chị H không yêu cầu bị cáo trả lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

**4. Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo.

**5. Quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/9/2020).

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú.

*Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND h.Mường Ảng;
- CQĐT Công an h.Mường Ảng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS h.Mường Ảng;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Phương**